

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hảo

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Cải

Bà Bùi Thị Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2021 về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu phố T, Thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trịnh Văn A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/01/2021, bản tự khai ngày 09/4/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn A kết hôn ngày 29/6/2017, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do quan điểm sống và tính cách của mỗi người khác nhau nên không có sự hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, do đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn đã rất trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản; công sức, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ D khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn anh Trịnh Văn A: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng anh A vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và tại phiên tòa ngày 28/7/2021. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 09/8/2021 anh A gửi cho Tòa án anh A nêu quan điểm của mình về việc giải quyết nội dung vụ án cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn năm 2017, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị D, kính mong Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn cho vợ chồng anh chị.

Về con chung: Không có.

Về tài sản; công sức, công nợ chung: Anh Trịnh Văn A khai nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trịnh Văn A.

Bị đơn anh Trịnh Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D, công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh A.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ Dân sự khác: Chị D và anh A không yêu cầu giải quyết nên Tòa không đề cập xem xét, giải quyết; nguyên đơn phải nộp án phí, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ Tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D và anh A đúng quy định của pháp luật; Chị D có mặt tại phiên tòa và anh A có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án xét xử trong thời hạn. Căn cứ khoản

1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 179, điểm e, khoản 1, Điều 192; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh A là hợp pháp, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình ngày 29/6/2017.

Quá trình chung sống giữa chị D và anh A mặc dù mới kết hôn và chung sống cùng nhau được một thời gian nhưng vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, mặt khác do quan điểm sống và tính cách của mỗi người khác nhau nên không có sự hòa hợp và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, rạn nứt và sống ly thân. Như vậy, cuộc sống chung giữa chị D và anh A đã không còn tồn tại, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh A.

Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ địa phương nơi chị D và anh A chung sống thể hiện hôn nhân của chị D và anh A không hạnh phúc, hiện tại đã sống ly thân. Cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh A có đơn và nêu quan điểm đề nghị tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D với anh A, công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh A.

- *Về con chung*: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa xác định chị D và anh A không có con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và các nghĩa vụ Dân sự khác*: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa xác định chị D và anh A không có tài sản chung và các nghĩa vụ Dân sự khác. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Chị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; Điều 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 177, Điều 179; điểm e, khoản 1, điều 192; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 55; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

+ *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D với anh Trịnh Văn A; công nhận sự thỏa thuận tình ly hôn giữa chị D và anh A.

+ *Về con chung*: Không có.

+ *Về tài sản chung và các nghĩa vụ Dân sự khác*: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị D đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002106 ngày 06/4/2021).

- *Án xử công khai sơ thẩm*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- UBND xã N
- (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Hảo